

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 11 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

**Nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo và thử nghiệm nuôi thương phẩm trai tai tượng vảy (*Tridacna squamosa lamareck, 1819*), ĐTDL.CN-53/15**

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Khác (ghi cụ thể):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

*Mục tiêu chung:*

Có được quy trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo trai tai tượng vảy..

*Mục tiêu cụ thể:*

+ Xây dựng được quy trình kỹ thuật sản xuất giống trai tai tượng vảy. Tỷ lệ trai bố mẹ thành thực 60%, tỷ lệ đẻ 60%, tỷ lệ thụ tinh >70%, tỷ lệ nở > 70%, tỷ lệ sống từ khi nở đến khi xuống đáy là >40%, tỷ lệ sống >10% từ khi xuống đáy đến cỡ giống 2cm/con.

+ Trai tai tượng vảy bố mẹ 200 con, khối lượng từ 4-5kg/con. Trai tai tượng hậu bi 800 con, khối lượng từ 2-3kg/con. 100.000 con trai tai tượng vảy giống, kích cỡ 2cm/con. Trai tai tượng vảy thương phẩm 1.000kg.

+ Xây dựng được 01 mô hình nuôi thử nghiệm trên rạn san hô, quy mô 2.000m<sup>2</sup> tại Khánh Hòa.

+ Xây dựng được 01 mô hình nuôi lồng bè tại Khánh Hòa, quy mô 500m<sup>3</sup>.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: Ths. Phùng Bảy

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III

5. Tổng kinh phí thực hiện: 4.970 triệu đồng.  
 Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.970 triệu đồng.  
 Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 12/2015

Kết thúc: 11/2019

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):

12/2015 đến 11/2020

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Phùng Bầy	ThS	Viện NC NTTS III
2	Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn	TS	Viện NC NTTS III
3	Thái Ngọc Chiến	TS	Viện NC NTTS III
4	Trần Thị Hiền	ThS	Viện NC NTTS III
5	Phan Thị Thương Huyền	ThS	Viện NC NTTS III
6	Lê Thúy Vy	CN	Đại học Nha Trang
7	Nguyễn Hùng	KS	Công ty CP TM, DV Đông Thành Hưng
8	KS. Nguyễn Trung Nam	KS	Công ty TNHH TM-DV và SX Ngọc thủy
9	ThS. Trần Trọng Tấn	ThS.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thủy sản Đại Cát Lợi
10	KS. Trần Thanh Hương	KS	Viện NC NTTS III

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Quy trình công nghệ sản xuất		x			x			x	

	giống nhân tạo trai tai tượng vảy								
2	Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm trai tai tượng vảy		x			x			x
3	Mô hình nuôi lồng bè tại Vũng Ngán- Nha Trang, quy mô 500m <sup>3</sup>		x			x			x
4	Mô hình nuôi đáy rạn san hô tại Vịnh Nha Trang, quy mô 2.000m <sup>2</sup>		x			x			x
5	Báo cáo khoa học tổng hợp đề tài		x			x			x
6	Trai bố mẹ		x			x			x
7	Trai hậu bị		x			x			x
8	Trai giống		x			x			x
	Trai thương phẩm		x			x			x

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

## 2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Nghiên cứu sinh học sinh sản và xây dựng các quy trình và mô hình nuôi trai tai tượng vảy là những đóng góp cho những nghiên cứu cũng như phát triển nuôi đối tượng này trong tương lai. Đây là bước đầu tiên để chuyển giao ứng dụng công nghệ tới người dân và các tổ chức bảo vệ nguồn lợi thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

## 3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

### 3.1. Hiệu quả kinh tế

Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở khoa học cho việc bảo vệ nguồn lợi-môi trường, nuôi trồng hải đặc sản, bảo vệ các loài và hệ sinh thái đặc thù...nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế phục vụ du lịch, xuất khẩu và phát triển kinh tế-xã hội. Trong bối cảnh sản lượng và giá trị các đối tượng nuôi chủ lực truyền thống gặp nhiều rủi ro do dịch bệnh và biến động thời tiết cùng với định hướng phát triển nuôi biển của Nhà nước ta, thì nghiên cứu phát triển nuôi trai tai tượng vảy nói riêng và trai tai tượng nói chung là hướng đi phù hợp. Đây là đối tượng sống ở vùng biển đảo và độ sâu lớn nên hoạt động nuôi không ảnh hưởng bởi ô nhiễm môi trường dịch bệnh, và biến đổi cực đoan của khí hậu. Ngoài ra, khi du lịch và xu hướng thương mại thế giới phát triển, nhu cầu đối tượng trai tai tượng là rất lớn. Điều này kích thích các cá nhân và tổ chức, thậm chí những cá nhân và tổ chức này hoạt động nuôi các đối tượng thủy sản khác có thể ứng dụng các quy trình sản xuất giống và nuôi trai tai tượng vảy nhằm tạo ra sản phẩm và giá trị lớn cho quốc gia, phát triển kinh tế gia đình cũng như kinh tế ngành và toàn xã hội.

### 3.2. Hiệu quả xã hội

Kết quả nghiên cứu của đề tài về “Quy trình sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm trai tai tượng vảy” dự kiến sẽ được chuyển giao công nghệ và ứng dụng nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu, góp phần tái tạo và phục hồi nguồn lợi trai tai tượng, xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho ngư dân ven biển, nâng cao hiệu quả sản xuất của ngành thủy sản. Đặc biệt phát triển nghề nuôi trai tai tượng còn góp phần bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững vùng biển đảo nước ta.

## III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

### 1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn



- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt

- Không đạt

Giải thích lý do:

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**

(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)



**Phùng Bầy**

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



*Võ Văn Nha*